

Số: 35/2015/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NGÀNH GIÁO DỤC

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục bao gồm: đối tượng thi đua, khen thưởng; tổ chức phát động phong trào thi đua; danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; hình thức khen thưởng và tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định, tuyển trình, thủ tục đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và tổ chức trao tặng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Hội đồng sáng kiến; quỹ thi đua, khen thưởng.

2. Công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một

số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Nghị định số 42/2010/NĐ-CP); Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Nghị định số 39/2012/NĐ-CP); Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 (sau đây gọi chung là Nghị định số 65/2014/NĐ-CP); Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 (sau đây gọi chung là Thông tư số 07/2014/TT-BNV) và các quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thi đua gồm:

- a) Các Vụ, Cục, Thanh tra, Văn phòng, Cơ quan đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là các đơn vị thuộc Bộ);
- b) Các cơ sở giáo dục, các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi chung là các đơn vị trực thuộc Bộ);
- c) Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên;
- d) Các Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- đ) Trường trung cấp, trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là trường thuộc Bộ); các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập; trường trung cấp, trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;
- e) Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;
- g) Các khoa, phòng, ban và các tổ chức tương đương trực thuộc các đơn vị quy định tại các Điểm b, Điểm d, Điểm đ, Điểm e của Khoản này;
- h) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bao gồm cả người đang trong thời gian tập sự, hợp đồng từ 01 năm trở lên làm việc tại các cơ quan, đơn vị quy định tại các Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d, Điểm đ, Điểm e Khoản này;

i) Học sinh, sinh viên đang học tập tại các cơ sở giáo dục.

2. Đối tượng khen thưởng gồm:

a) Đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Tổ chức, cá nhân không thuộc ngành Giáo dục; tổ chức, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức, cá nhân người nước ngoài có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển giáo dục và đào tạo.

Điều 3. Nguyên tắc bình xét thi đua, khen thưởng

1. Việc xét khen thưởng được tiến hành khi tổng kết năm công tác hoặc năm học, tổng kết các cuộc vận động, thi đua theo chuyên đề hoặc khi phát hiện gương người tốt, việc tốt.

2. Các cuộc họp xét danh hiệu thi đua, khen thưởng được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hoặc thành viên của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị tham dự.

3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, Bằng khen Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các hạng phải đạt từ 70% số phiếu đồng ý trở lên tính trên tổng số người tham gia họp hoặc được xin ý kiến.

4. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước phải được các thành viên của Hội đồng bỏ phiếu kín và đạt từ 90% số phiếu đồng ý trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng cấp đó (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng phối hợp với người đứng đầu đơn vị thuộc Bộ, tham mưu đề xuất với Bộ trưởng về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức, phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong ngành Giáo dục; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, công tác khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong ngành; giúp Hội đồng thẩm định hồ sơ thi đua, xét tặng khen thưởng, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xem xét, trình Bộ trưởng xét, tặng theo thẩm quyền hoặc trình Bộ trưởng đề Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Người đứng đầu các đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ, Giám đốc Đại học Quốc gia, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, người đứng đầu các cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức đoàn thể cùng cấp cụ thể hóa nội dung, chỉ tiêu, biện pháp tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; sơ kết, tổng kết các

phong trào thi đua, nhân rộng điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

3. Các cơ quan thông tin, báo chí, xuất bản thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Sở Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền công tác thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong các phong trào thi đua; đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

4. Đơn vị, cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị lên cấp trên.

Điều 5. Khối, vùng thi đua

1. Căn cứ vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, phạm vi hoạt động của các đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ, Đại học Quốc gia, các cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ và cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập, Bộ trưởng quyết định thành lập các khối thi đua.

2. Căn cứ đặc điểm, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, Bộ trưởng quyết định thành lập các vùng thi đua đối với các Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Trưởng khối, trưởng vùng thi đua chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về hoạt động của khối, vùng thi đua.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của khối, vùng thi đua:

a) Tổ chức thực hiện phong trào thi đua do Bộ phát động; cụ thể các chỉ tiêu, nội dung, biện pháp xây dựng phong trào thi đua trong khối, vùng thi đua;

b) Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, trao đổi học tập, chia sẻ kinh nghiệm, xây dựng các mô hình mới, điển hình tiên tiến trong khối, vùng thi đua;

c) Đánh giá, xếp hạng trong khối, vùng thi đua để Bộ trưởng xét, quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, Cờ thi đua cấp Bộ, Bằng khen Bộ trưởng theo hướng dẫn hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương II

TỔ CHỨC PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO THI ĐUA; DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 6. Hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua

Hình thức và nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều 3 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Điều 7. Đăng ký thi đua, ký giao ước thi đua

1. Người đứng đầu đơn vị quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm e Khoản 1 Điều 2 Thông tư này tổ chức cho cá nhân, đơn vị thuộc quyền quản lý đăng ký thi đua và gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) trước ngày 30 tháng 10 hàng năm đối với các đơn vị xét thi đua theo năm học, trước ngày 31 tháng 01 hàng năm đối với các đơn vị xét thi đua theo năm công tác.
2. Căn cứ vào nội dung phong trào thi đua do Bộ trưởng phát động, các khối, vùng thi đua tổ chức ký giao ước thi đua và gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) theo quy định.

Điều 8. Các danh hiệu thi đua

1. Đối với cá nhân gồm: “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.
2. Đối với đơn vị gồm: “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo”, “Cờ thi đua của Chính phủ”.
3. Các danh hiệu thi đua được xét tặng hàng năm vào thời điểm kết thúc năm học hoặc năm công tác.

Điều 9. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.
2. Cá nhân đạt một trong các thành tích quy định tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư này hoặc đạt một trong các thành tích sau được tính là sáng kiến áp dụng xét, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”:
 - a) Giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện trở lên; giáo viên trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên;
 - b) Giáo viên trực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng được 01 học sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi cấp tỉnh. Riêng giáo viên công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các huyện nghèo được áp dụng hưởng chính sách như quy định đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có học sinh đạt giải trong các kỳ thi cấp huyện trở lên;

c) Giáo viên, giảng viên là tác giả chính bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế;

d) Công chức, viên chức và người lao động tham gia soạn thảo đề án, dự án, quy chế của đơn vị đã được ban hành theo quyết định phân công của người có thẩm quyền;

3. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này và đơn vị do cá nhân quản lý phải đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

4. Tỷ lệ “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15 % số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của đơn vị, trong đó bảo đảm không quá 1/3 là cán bộ quản lý, nếu có số dư thì được làm tròn lên.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 14 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

2. Một số thành tích được tính là sáng kiến áp dụng khi xét, công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Bộ:

a) Tham gia soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành theo quyết định phân công của người có thẩm quyền;

b) Giáo viên, giảng viên trực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng được 01 học sinh, sinh viên đạt một trong các giải nhất, nhì, ba hoặc Huy chương Vàng, Bạc, Đồng trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế;

c) Tham gia biên soạn chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đã được nghiệm thu;

d) Giáo viên, giảng viên đạt giải nhất, nhì, ba trong các hội thi do cấp tỉnh, Bộ tổ chức.

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Điều 13. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng cho đơn vị đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 17 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Điều 14. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng cho đơn vị đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 6 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Điều 15. Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo xét tặng cho các đối tượng quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d, Điểm đ, Điểm e, Điểm g Khoản 1 Điều 2 Thông tư này đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 26 của Luật Thi đua, khen thưởng.
2. Việc tặng Cờ thi đua của Bộ cho đơn vị tiêu biểu xuất sắc được thực hiện thông qua đánh giá, bình xét, suy tôn trong khối, vùng thi đua. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định cụ thể số lượng Cờ tặng cho đơn vị trong khối, vùng thi đua.
3. Kết thúc năm học, năm công tác, các đơn vị trực thuộc Bộ, các đơn vị trực thuộc đại học vùng, các đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia lựa chọn 01 đơn vị dẫn đầu, tiêu biểu xuất sắc trong số các khoa, phòng, ban và các tổ chức tương đương đề nghị Bộ xét tặng Cờ thi đua. Đối với các đơn vị có từ 20 khoa, phòng, ban và tương đương trở lên được đề nghị 02 đơn vị.
4. Kết thúc năm học, Sở Giáo dục và Đào tạo lựa chọn 01 đơn vị dẫn đầu, tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua “Dạy tốt - Học tốt” của mỗi cấp học và trình độ đào tạo, 01 phòng giáo dục và đào tạo đề nghị Bộ xét, tặng Cờ thi đua.

Điều 16. “Cờ thi đua của Chính phủ”

Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho đơn vị đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 6 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Chương III

HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 17. Các hình thức khen thưởng

1. Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước:

a) Huân chương: “Huân chương Sao vàng”; “Huân chương Hồ Chí Minh”; “Huân chương Độc lập” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; “Huân chương Lao động” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; “Huân chương Dũng cảm”, “Huân chương Hữu nghị”;

b) Danh hiệu vinh dự nhà nước: “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”; “Anh hùng Lao động”; “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”;

c) Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước;

d) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các hình thức khen thưởng của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Bằng khen Bộ trưởng, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”.

Điều 18. Tiêu chuẩn xét tặng “Huân chương Sao vàng”

Huân chương Sao vàng để tặng cho tập thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Điều 7 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP, Điều 13 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Điều 19. Tiêu chuẩn xét tặng “Huân chương Hồ Chí Minh”

Huân chương Hồ Chí Minh để tặng cho tập thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Điều 8 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP, Điều 13 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Điều 20. Tiêu chuẩn xét tặng “Huân chương Độc lập”

1. “Huân chương Độc lập” hạng nhất để tặng cho tập thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 9 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

2. “Huân chương Độc lập” hạng nhì để tặng cho tập thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

3. “Huân chương Độc lập” hạng ba để tặng cho tập thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 11 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

Điều 21. Tiêu chuẩn xét tặng “Huân chương Lao động”

1. “Huân chương Lao động” gồm:

a) “Huân chương Lao động” hạng nhất để tặng cho tập thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định Điều 15 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP;

b) “Huân chương Lao động” hạng nhì để tặng cho tập thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định Điều 16 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP;

c) “Huân chương Lao động” hạng ba để tặng cho tập thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 17 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

2. Thành tích xuất sắc đột xuất và công trình, sáng kiến đặc biệt xuất sắc quy định tại Điểm a Khoản 1 các Điều 15, Điều 16, Điều 17 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP cụ thể như sau:

a) Thành tích xuất sắc đột xuất là một trong các thành tích sau:

Mưu trí, dũng cảm cứu người, tài sản của Nhà nước và của nhân dân; phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, dịch họa hoặc có thành tích đột xuất khác có phạm vi ảnh hưởng toàn quốc, khu vực, tỉnh, thành phố, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ nơi xảy ra vụ việc.

b) Phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc hoặc có công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cụ thể như sau:

Phát minh, sáng chế hoặc chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, cấp tỉnh, Bộ được nghiệm thu đạt loại xuất sắc, đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao hoặc góp phần quan trọng giải quyết các vấn đề về lý luận, thực tiễn của đất nước, của ngành, lĩnh vực, địa phương được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về ngành, lĩnh vực đó thẩm định, xác nhận;

c) Nhà giáo có thành tích đặc biệt xuất sắc trong giảng dạy, bồi dưỡng học sinh, sinh viên đoạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng trong các kỳ thi quốc tế;

d) Có nghĩa cử cao đẹp, dũng cảm đấu tranh với những hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội có tác dụng nêu gương trong toàn quốc được xã hội ghi nhận và tôn vinh.

3. Việc đánh giá thành tích xuất sắc đột xuất và hiệu quả của phát minh, sáng chế, sáng kiến quy định tại Khoản 2 Điều này do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở chịu trách nhiệm thẩm định, đề xuất; Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương Lao động các hạng.

Điều 22. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu Anh hùng Lao động

Danh hiệu Anh hùng Lao động để tặng cho tập thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 61 của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 23. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”

Danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” để tặng cho các nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đạt tiêu chuẩn quy định tại Nghị định số 27/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”.

Điều 24. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”

“Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” để xét tặng cho tác giả của một hoặc nhiều tác phẩm, công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ, giáo dục và văn học nghệ thuật thực hiện theo quy định tại Điều 46, Điều 47 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và các quy định của pháp luật.

Điều 25. Tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

1. Thực hiện tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

2. Đơn vị, cá nhân lập được thành tích quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d Khoản 2 Điều 21 Thông tư này được xem xét, đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Hội

đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở chịu trách nhiệm thẩm định, đề xuất. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 26. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen Bộ trưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích cho các đơn vị, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch hàng năm hoặc nhiều năm.

a) Đối tượng

Đơn vị, cá nhân quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm e; các khoa, phòng, ban và tổ chức tương đương trực thuộc các đơn vị quy định tại Điểm b, Điểm e Khoản 1 Điều 2 Thông tư này;

b) Tiêu chuẩn

Đơn vị có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền công nhận là “Tập thể lao động xuất sắc”;

Cá nhân có 02 năm liên tục được người đứng đầu đơn vị đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở;

2. Khen thưởng chuyên đề cho đơn vị, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc thực hiện một đợt thi đua hoặc chuyên đề công tác do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng phát động.

a) Đối tượng

Đơn vị, cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư này;

b) Tiêu chuẩn

Đơn vị tiêu biểu xuất sắc nhất được bình xét trong các phong trào thi đua do Bộ phát động. Cá nhân có thành tích xuất sắc nhất được bình xét trong các phong trào thi đua do Bộ phát động hoặc đoạt giải nhất, Huy chương Vàng tại các cuộc thi cấp quốc gia; đoạt giải nhất, nhì, ba, hoặc Huy chương Vàng, Bạc, Đồng trong các cuộc thi quốc tế.

3. Khen thưởng đột xuất cho các đơn vị, cá nhân khi đạt được thành tích đột xuất, dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân và của nhà nước. Thành tích đột xuất là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân đảm nhận.

4. Khen thưởng đối ngoại cho các tổ chức, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức, cá nhân người nước ngoài có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển giáo dục và đào tạo.

5. Cá nhân thuộc các đơn vị quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm e Khoản 1 Điều 2 Thông tư này, trước khi nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và 05 năm trước đó chưa được tặng Bằng khen Bộ trưởng được Bộ trưởng xét, quyết định tặng Bằng khen.

6. Đơn vị, cá nhân quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm đ, Điểm e, Khoản 1 Điều 2 Thông tư này và các khoa, viện, trung tâm, bộ môn trực thuộc các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng được Bộ trưởng xét, quyết định tặng Bằng khen vào dịp kỷ niệm ngày thành lập của đơn vị (năm tròn, năm lẻ 05). Tiêu chuẩn và số lượng quy định như sau:

Đơn vị có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển từ 10 năm trở lên. Các Sở Giáo dục và Đào tạo được đề nghị không quá 05 đơn vị/năm;

Cá nhân có thời gian công tác tại đơn vị từ 05 năm trở lên; có thành tích xuất sắc đóng góp cho quá trình xây dựng và phát triển đơn vị; số lượng đề nghị không quá 05 cá nhân/đơn vị, các đơn vị trực thuộc Bộ đề nghị không quá 10 cá nhân/đơn vị, trong đó có ít nhất 03 giáo viên, giảng viên, người lao động.

7. Các trường hợp khác do Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 27. Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp giáo dục”

Việc xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp giáo dục” thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 29 tháng 8 năm 2005 về việc ban hành Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp giáo dục” và Quyết định số 27/2005/QĐ-BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 29 tháng 8 năm 2005 về việc ban hành Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp giáo dục” và các quy định sau:

1. Cá nhân có thời gian công tác trong ngành Giáo dục đủ 25 năm trở lên đối với nam và đủ 20 năm trở lên đối với nữ, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Cá nhân đang công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các huyện nghèo được áp dụng hưởng chính sách như quy định đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được xét tặng sớm hơn thời gian quy định tại Khoản 1 Điều này là 05 năm.

3. Cá nhân có đủ điều kiện quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này nhưng bị kỷ luật từ hình thức khiển trách đến dưới hình thức kỷ luật buộc thôi việc chỉ được xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp giáo dục” tính từ thời điểm xóa kỷ luật. Thời gian thi hành kỷ luật không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp giáo dục”.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TUYÊN TRÌNH, THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ TỔ CHỨC TRAO TẶNG

Điều 28. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Thẩm quyền công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 77, Điều 78 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định:

a) Tặng Cờ thi đua cho đơn vị có thành tích tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu trong các phong trào thi đua do Bộ phát động;

b) Công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” cho cá nhân quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm e và danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho đơn vị quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều 2 Thông tư này, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho các đơn vị thuộc Bộ không có con dấu, tài khoản riêng;

c) Công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho các đơn vị trực thuộc Đại học vùng, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam;

d) Tặng Bằng khen cho các đơn vị, cá nhân trong và ngoài ngành Giáo dục;

đ) Tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” cho cá nhân trong và ngoài ngành Giáo dục;

3. Giám đốc Đại học vùng, Tổng Giám đốc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xét, công nhận “Tập thể lao động xuất sắc” các đơn vị thuộc quyền quản lý, không bao gồm các đơn vị quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này.

4. Người đứng đầu đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ có con dấu, tài khoản riêng được quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý. Việc tặng Giấy khen của người đứng đầu đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

Điều 29. Tuyển trình khen thưởng:

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trình cấp có thẩm quyền (qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương) xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho các đơn vị, cá nhân thuộc Bộ, trực thuộc Bộ, Đại học Quốc gia; hiệp y khen thưởng cho đơn vị, cá nhân theo đề nghị của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

2. Người đứng đầu đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ, Đại học Quốc gia trình Bộ trưởng (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) xét tặng danh hiệu thi đua, quyết định hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Bộ trưởng hoặc đề Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước.

3. Người đứng đầu cơ sở giáo dục quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 2 Thông tư này trước khi trình Bộ trưởng xét tặng Bằng khen cho đơn vị, cá nhân phải có ý kiến đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ.

4. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo trình Bộ trưởng xét tặng:

a) Bằng khen của Bộ trưởng, Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho đơn vị và cá nhân thuộc Sở theo quy định tại Thông tư này;

b) Kỷ niệm chương “ Vì sự nghiệp giáo dục”.

5. Người đứng đầu đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ, Đại học Quốc gia trình Bộ trưởng xét, quyết định khen thưởng hoặc đề Bộ trưởng xét, trình cấp có thẩm quyền khen thưởng quá trình cống hiến đối với sự nghiệp giáo dục, đào tạo cho cá nhân đủ điều kiện thuộc quyền quản lý.

6. Đối với đơn vị, tổ chức và cá nhân không thuộc ngành Giáo dục:

a) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo trước khi trình Bộ trưởng (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) xét, quyết định khen thưởng đối với đơn vị, cá nhân của địa phương phải có ý kiến đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Người đứng đầu các Bộ đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) xét, quyết định khen thưởng đối với đơn vị, cá nhân thuộc Bộ quản lý;

c) Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế phối hợp với Vụ Thi đua - Khen thưởng trình Bộ trưởng xét, quyết định khen thưởng cho đơn vị, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài và đơn vị, cá nhân người nước ngoài có thành tích tiêu biểu xuất sắc đóng góp phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo sau khi đã xin ý kiến của Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và các đơn vị có liên quan.

Điều 30. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ của đơn vị, cá nhân đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP.

2. Quy định số lượng hồ sơ nộp về Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp nhà nước: 04 bộ;

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng: 01 bộ.

3. Thời gian tiếp nhận hồ sơ

a) Hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Bộ gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) trước ngày 30 tháng 8 hàng năm đối với đơn vị xét thi đua theo năm học và trước ngày 30 tháng 01 hàng năm đối với đơn vị xét thi đua theo năm công tác;

b) Hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) trước ngày 15 tháng 10 hàng năm đối với đơn vị xét thi đua theo năm học và trước ngày 28 tháng 02 hàng năm đối với đơn vị xét thi đua theo năm công tác;

c) Hồ sơ khen thưởng đột xuất: ngay sau khi đơn vị, cá nhân lập được thành tích, người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm trình Bộ trưởng xét, quyết định khen thưởng hoặc đề Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét, quyết định khen thưởng.

4. Thời gian thẩm định hồ sơ

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định

Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Bộ: 15 ngày làm việc;

Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước: 30 ngày làm việc;

b) Trường hợp hồ sơ không đúng quy định

Sau 07 ngày làm việc, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo tới đơn vị trình. Chậm nhất sau 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ, đơn vị có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng).

Điều 31. Quy trình xét khen thưởng

1. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Bộ

Sau khi nhận đủ hồ sơ, Vụ Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các đơn vị có liên quan, tổng hợp trình Bộ trưởng xét, quyết định công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, Cờ thi đua cấp Bộ, “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, Bằng khen Bộ trưởng; trình Bộ trưởng xét, tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”.

2. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước

a) Sau khi nhận đủ hồ sơ, Vụ Thi đua - Khen thưởng kiểm tra hồ sơ, thẩm định thành tích, trình xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng trước khi báo cáo xin ý kiến Hội đồng hoặc Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ; hoàn thiện hồ sơ, trình Bộ trưởng đề Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền (qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương) xét, quyết định khen thưởng;

b) Ban cán sự Đảng Bộ xem xét, cho ý kiến đối với hình thức khen thưởng “Huân chương Sao Vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập”, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” trước khi Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét, quyết định khen thưởng.

Điều 32. Tổ chức trao tặng

Tổ chức trao tặng và đón nhận Danh hiệu vinh dự nhà nước, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương, Huy chương, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao

tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài.

Điều 33. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Việc lưu trữ hồ sơ khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Chương V

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG VÀ HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

Điều 34. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Bộ trưởng quyết định thành lập Hội đồng.
2. Thành phần Hội đồng thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.
3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 28 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và Quyết định của Bộ trưởng về việc thành lập Hội đồng, Quy chế làm việc của Hội đồng do Bộ trưởng ban hành.

Điều 35. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ, Đại học Quốc gia

1. Người đứng đầu đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ, Đại học Quốc gia có con dấu, tài khoản riêng quyết định thành lập Hội đồng.
2. Thành phần Hội đồng gồm:
 - a) Chủ tịch: Người đứng đầu đơn vị;
 - b) Phó Chủ tịch: cấp phó của người đứng đầu, Chủ tịch Công đoàn đơn vị;
 - c) Ủy viên: Đại diện cấp ủy Đảng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, trưởng các bộ phận chuyên môn; trưởng bộ phận thi đua, khen thưởng hoặc người được giao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị là ủy viên thường trực kiêm thư ký Hội đồng.
3. Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng
 - a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và biểu quyết theo đa số. Trường hợp ý kiến các thành viên Hội đồng ngang nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng là quyết định;
 - b) Tổ chức, triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác thi đua, khen thưởng và tổ chức phong trào thi đua trong đơn vị;

c) Định kỳ đánh giá phong trào thi đua, công tác khen thưởng của đơn vị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua trong từng năm và từng giai đoạn;

d) Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua và khen thưởng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;

đ) Xét chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, yêu nước đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xét, quyết định công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc đề Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét, quyết định khen thưởng;

Điều 36. Hội đồng sáng kiến

1. Thẩm quyền thành lập:

a) Bộ trưởng quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp Bộ;

b) Người đứng đầu các đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ, Đại học Quốc gia có con dấu, tài khoản riêng quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến của đơn vị.

2. Hội đồng có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng, người đứng đầu đơn vị:

a) Xem xét, đánh giá công nhận sáng kiến;

b) Đánh giá, công nhận sáng kiến; phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trong đơn vị hoặc trong phạm vi cấp tỉnh, Bộ; có xác nhận của cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ sử dụng sáng kiến.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 37. Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng

1. Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 67 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

2. Khuyến khích tổ chức, cá nhân trong và ngoài ngành hỗ trợ, đóng góp để bổ sung quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ, quỹ thi đua, khen thưởng của các đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ.

Điều 38. Quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ

1. Quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ được thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 69 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

2. Nội dung chi và mức chi thi đua, khen thưởng của Bộ thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

Điều 39. Trách nhiệm, mức thưởng và nguyên tắc chi thưởng

1. Trách nhiệm chi thưởng

Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chi tiền thưởng các đơn vị, cá nhân được khen thưởng cấp nhà nước do Bộ trưởng trình; các đơn vị, cá nhân hưởng quỹ lương tại Cơ quan Bộ được Bộ trưởng công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng; các đơn vị và cá nhân được Bộ trưởng khen thưởng khi lập được thành tích xuất sắc đột xuất;

Trường hợp khác do Bộ trưởng xem xét, quyết định.

2. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 74, Điều 75, Điều 76 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Nguyên tắc chi thưởng

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Tổ chức thực hiện

Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, Chánh Văn phòng, người đứng đầu các đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ, Giám đốc Đại học Quốc gia, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo, trưởng khối, trưởng vùng thi đua và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

Điều 41. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2016 thay thế Thông tư số 12/2012/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục.

2. Bãi bỏ Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm đ Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 27/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 29 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị và cá nhân phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) để kịp thời xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ GDĐT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ;
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh;
- Công báo;
- Công thông tin điện tử của Chính phủ;
- Công thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ TĐKT (15 bản).

Phạm Mạnh Hùng